

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/DS-ST

Ngày 09/11/2017

Về việc “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hợp và bà Vũ Thị Dung;

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 09/11/2017 tại hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/TLST-DS ngày 28/6/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐST-DS ngày 12/9/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2017/QĐST-DS ngày 02/11/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ : Tổ 2 ấp LB, xã TQ, huyện HQ, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: - Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1972 (vắng mặt)

- Chị Dương Thanh H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 3 khu phố Ph B, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn S và chị Dương Thanh H: Anh Lê Trọng C, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 22/23/18 đường 7, khu phố 3, phường LT, quận TĐ, Tp. Hồ Chí Minh

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ : Tổ 2 ấp LB, xã TQ, huyện HQ, tỉnh Bình Phước

- Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị T và anh Lê Ngọc H: Anh Ngô Quốc Ch, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 420 QL 14, khu phố PT, phường TP, thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa anh Ngô Quốc Ch, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Gia đình chị Nguyễn Thị T là hộ kinh doanh cá thể, do chị Nguyễn Thị T là chủ hộ, kinh doanh cám gạo, nông sản và chăn nuôi gia súc tại nhà. Vợ chồng chị T có quen biết với vợ chồng chị Dương Thanh H, anh Nguyễn Văn S. Từ năm 2005 đến tháng 6/2016, vợ chồng chị T thường xuyên gửi tiền trước để mua cám gạo của chị H, anh S.

Từ ngày 18/3/2015 đến ngày 02/6/2016, vợ chồng chị Nguyễn Thị T đã nhiều lần đưa tiền cho chị H để mua cám gạo, cụ thể:

- Ngày 17/10/2014 đưa 110.400.000 đồng
- Ngày 30/10/2014 đưa 160.000.000 đồng
- Ngày 22/11/2014 đưa 50.000.000 đồng
- Ngày 29/11/2014 đưa 50.000.000 đồng
- Ngày 09/12/2014 đưa 80.000.000 đồng
- Ngày 24/12/2014 đưa 80.000.000 đồng
- Ngày 09/12/2014 đưa 80.000.000 đồng
- Ngày 13/01/2015 đưa 60.000.000 đồng
- Ngày 01/02/2015 đưa 50.000.000 đồng
- Ngày 14/02/2015 đưa 40.000.000 đồng
- Ngày 27/02/2015 đưa 10.000.000 đồng
- Ngày 07/3/2015 đưa 50.000.000 đồng
- Ngày 16/3/2015 đưa 100.000.000 đồng
- Ngày 31/3/2015 đưa 100.000.000 đồng
- Ngày 23/4/2015 đưa 150.000.000 đồng
- Ngày 20/5/2015 đưa 200.000.000 đồng
- Ngày 31/5/2015 đưa 70.000.000 đồng
- Ngày 12/6/2015 đưa 100.000.000 đồng

- Ngày 29/6/2015 đưa 100.000.000 đồng
- Ngày 21/7/2015 đưa 50.000.000 đồng
- Ngày 15/8/2015 đưa 20.000.000 đồng
- Ngày 22/8/2015 đưa 50.000.000 đồng
- Ngày 31/8/2015 đưa 100.000.000 đồng

Tổng cộng 1.910.400.000 đồng. Ngày 02/6/2016, vợ chồng chị H, anh S tuyên bố bế nợ và còn nợ vợ chồng chị Nguyễn Thị T số tiền 218.210.000 (Hai trăm mười tám triệu, hai trăm mười ngàn) đồng và không bán cám gạo cho vợ chồng chị T nữa.

Chị Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng chị H, anh S phải liên đới trả số tiền 218.210.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1.125%/tháng, T từ tháng 6/2016 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, tạm T đến tháng 7/2017 với số tiền là 29.458.000 đồng, tổng cộng 247.668.000 đồng.

* Tại phiên tòa, anh Ngô Quốc Ch, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc H trình bày: Anh Lê Ngọc H và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng, anh H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của chị T.

* Tại bản tự khai ngày 08/11/2017, anh Lê Trọng C là người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Dương Thanh H, anh Nguyễn Văn S trình bày:

Chị Dương Thanh H, anh Nguyễn Văn S có quan hệ làm ăn với một mình anh Lê Ngọc H, hai bên không làm hợp đồng giao dịch, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có quan hệ làm ăn với chị Nguyễn Thị T (vợ anh H), sau khi chị T khởi kiện, chị H và anh S mới biết chị T là vợ của anh H.

Chị H, anh S bán cám cho anh H theo hình thức anh H đưa tiền trước cho chị H, anh S và anh H lấy cám heo trừ dần. Các tài liệu chứng cứ do chị T khởi kiện nộp cho Tòa án, chị H và anh S không ký tên, lẩn tay xác nhận nợ và làm ăn với chị T. Với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, chị H và anh S không đồng ý. Hiện nay, chị H và anh S còn chỉ có nợ của anh H số tiền 80.325.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T đồng ý với ý kiến của chị Dương Thanh H, anh Nguyễn Văn S về việc chị H, anh S còn nợ vợ chồng chị số tiền 80.325.000 đồng. Chị Nguyễn Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện chị H, anh S đối với số tiền 137.885.000 đồng (218.210.000 - 80.325.000) và 29.458.000 đồng lãi suất theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc H đồng ý với ý kiến của chị Nguyễn Thị T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ

thẩm. Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T cung cấp cho Tòa án giấy nợ tiền do chị Dương Thanh H viết, nhưng không thể hiện ngày tháng năm viết giấy, không có chữ ký hay điểm chỉ của người thiếu tiền và nội dung số tiền thiếu... Chị Dương Thanh H xác nhận còn thiếu nợ số tiền 80.325.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, buộc chị Dương Thanh H, anh Nguyễn Văn S trả số tiền 80.325.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật cho vợ chồng chị T, anh H.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện chị H, anh S phải trả số tiền 137.885.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Dương Thanh H và anh Nguyễn Văn S đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ tổ 3 khu phố Phú Bình, phường An Lộc, thị xã Bình Long. Do đó, căn cứ, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn chị Dương Thanh H, anh Nguyễn Văn S vắng mặt. Chị H, anh S đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ hai lần nh chị H, anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 09/11/2017, người đại diện hợp pháp của chị H và anh S, anh Lê Trọng C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện hợp pháp theo quy định pháp luật.

[2] Về áp dụng luật nội dung: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu chị Dương Thanh H và anh Nguyễn Văn S phải liên đới trả số tiền nợ gốc 218.210.000 đồng và số tiền lãi tạm T 29.458.000 đồng, tổng cộng 247.668.000 đồng từ việc mua bán hàng hóa. Xét thấy, việc mua bán hàng hóa giữa chị H và chị T được thỏa thuận, xác lập và thực hiện từ năm 2005 cho đến tháng 6/2016. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bị đơn xác nhận có việc mua bán cám gia súc với anh Lê Ngọc H, hai bên không làm hợp đồng giao dịch, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có quan hệ làm ăn với chị Nguyễn Thị T (vợ anh H).

Chị Nguyễn Thị T chốt đến ngày 02/6/2016, vợ chồng chị H, anh S còn nợ vợ chồng chị số tiền 218.210.000 đồng thể hiện tại giấy nhận nợ do chị H ghi (BL 05). Tại bản tự khai ngày 08/11/2017, anh Lê Trọng C là người đại diện theo ủy quyền của chị H, anh S xác nhận chị H, anh S chỉ có thiếu của anh Lê Ngọc H số tiền 80.325.000 đồng.

Căn cứ giấy nợ (BL 05) do chị T cung cấp thể hiện nội dung:

“Từ 18/3 17/9

356 bao

Cũ 127.785.000

89.725.000

217.510.000

Lộn giá +7.000.000

218.210.000”

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp anh Ngô Quốc Chiến và vợ chồng chị T, anh H thống nhất cho rằng đây là chữ viết và là giấy chốt số tiền chị H còn thiếu của chị T. Tại bản tự khai, anh Lê Trọng C cho rằng các tài liệu chứng cứ do chị T khởi kiện nộp cho Tòa án, chị H và anh S không ký tên, lặn tay xác nhận nợ và làm ăn với chị T. Chị Nguyễn Thị T cung cấp cho Tòa án giấy nợ tiền do chị H viết, nhưng không thể hiện ngày tháng năm viết giấy, không có chữ ký hay điểm chỉ của người thiếu tiền và nội dung số tiền thiếu...

Anh Lê Trọng C, người đại diện hợp pháp của chị H, anh S xác nhận chị H, anh S chỉ còn thiếu anh H số tiền 80.325.000 đồng, chứ không thiếu tiền chị T. Anh Lê Trọng C đề nghị Tòa án xem xét lại đơn khởi kiện và nội dung khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, vì chị Dương Thanh H và anh Nguyễn Văn S không làm ăn giao dịch với chị T, không biết chị T là ai.

Căn cứ sổ hộ khẩu tên Lê Ngọc H (BL 14-15) thể hiện anh Lê Ngọc H đứng tên chủ hộ và chị Nguyễn Thị T có mối quan hệ là “vợ” với chủ hộ, ngoài ra tại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể, thể hiện chị Nguyễn Thị T là đại diện cho hộ gia đình. Điều 25 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “*Trong trường hợp vợ, chồng kinh doanh chung thì vợ, chồng trực tiếp tham gia quan hệ kinh doanh là người đại diện hợp pháp của nhau trong quan hệ kinh doanh đó, trừ trường hợp trước khi tham gia quan hệ kinh doanh, vợ chồng có thỏa thuận khác...*”. Anh Lê Ngọc H xác nhận số tiền chị Dương Thanh H, anh Nguyễn Văn S còn thiếu của vợ chồng anh là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, việc chị Nguyễn Thị T khởi kiện chị Dương Thanh H, anh Nguyễn Văn S là

đúng quy định pháp luật, được Tòa án xác định là nguyên đơn và xác định anh Lê Ngọc H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T đồng ý với ý kiến của chị Dương Thanh H, anh Nguyễn Văn S về việc chị H, anh S còn nợ vợ chồng chị số tiền 80.325.000 đồng. Chị Nguyễn Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện chị H, anh S đối với số tiền 137.885.000 đồng (218.210.000 - 80.325.000) và 29.458.000 đồng lãi suất theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc H đồng ý với ý kiến của chị Nguyễn Thị T về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T là tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 428, Điều 432 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 25 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chị Dương Thanh H và anh Nguyễn Văn S phải liên đới trả cho chị T, anh H số tiền 80.325.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa, nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Dương Thanh H, anh Nguyễn Văn S phải chịu 4.016.250 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 428, Điều 432 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 25 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Dương Thanh H, anh Nguyễn Văn S phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T, anh Lê Ngọc H số tiền 80.325.000 (Tám mươi triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về số tiền 137.885.000 đồng và 29.458.000 đồng lãi suất.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 6.191.700 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003798 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

Chị Dương Thanh H, anh Nguyễn Văn S phải chịu 4.016.250 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nH không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa PH, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- Dương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Yến